

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Quốc Trung
Bà Ngô Thị Như Hoa
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thùy Linh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Huyền T** – Sinh năm 1997
Địa chỉ: tổ A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình - Có mặt.
- Bị đơn: Anh **Phạm Thành T1** - Sinh năm 1986
Địa chỉ: tổ B, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Huyền T và anh Phạm Thành T1 đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình vào ngày 05/3/2020. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, anh T1 không quan tâm đến gia đình, không quan tâm đến vợ con. Anh T1 còn chơi bời nợ nần. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh T1 cũng bỏ nhà đi làm ăn xa khoảng một năm nay. Anh T1 làm ăn ở đâu thì chị T cũng không biết. Nay chị T xác định không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc như hiện tại và yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thành T1.

- Về con chung: có 01 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 03/6/2020. Chị Nguyễn Huyền T yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn, chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Huyền T tự nguyện chịu trách nhiệm nộp án phí ly hôn theo quy định.

Sau khi thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Huyền T, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tiến hành báo gọi triệu tập đương sự, nhưng anh Phạm Thành T1 liên tục vắng mặt không có lý do. Theo đề nghị của chị T, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương.

Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn Bảy là tổ trưởng tổ 13 phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Ông cung cấp như sau: Chị Nguyễn Huyền T kết hôn với anh Phạm Thành T1 năm 2020. Anh T1 là con của ông Phạm Xuân Bè và bà Hoàng Thị Mận. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng vào miền Nam đi làm ăn một thời gian ngắn, sau đó lại về. Cụ thể vợ chồng mâu thuẫn thế nào ông không rõ, chỉ thấy chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, còn anh T1 bỏ đi làm xa khoảng một năm gần đây, thỉnh thoảng mới thấy về. Các giấy tờ tòa án gửi cho anh T1 ông có đi tổng đạt cùng cán bộ tòa án, mẹ anh T1 có ký nhận thay anh T1 nhưng không đảm bảo giao tận tay anh T1 mà chỉ gọi điện thông báo cho anh T1 biết.

Bà Hoàng Thị M là mẹ đẻ của anh Phạm Thành T1 cung cấp như sau: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T anh T1 không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ những cái nhỏ. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn T1 đã đi làm ăn xa, làm ở đâu bà cũng không rõ, thỉnh thoảng T1 có về và gọi điện cho bà. Bản thân bà thấy, T1 không có lỗi gì nhưng nếu chị T kiên quyết đòi ly hôn thì gia đình bà cũng phải chịu. Chị T nộp đơn ly hôn hai lần rồi. Các giấy tờ tòa án gửi bà có ký nhận thay con trai nhưng không giao lại được tận tay mà chỉ gọi điện thông báo.

Ông Hoàng Quang V hàng xóm của nhà anh T1 cung cấp như sau: ông vừa là hàng xóm sát cạnh nhà anh T1 vừa là cậu ruột của T1. Vợ chồng cháu T và T1 mâu thuẫn cụ thể thế nào ông không biết rõ. Từ trước tết cũng đã thấy T bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, T1 thì bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do anh Phạm Thành T1 vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến nay anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tham gia tố tụng của nguyên đơn và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp. Việc vắng mặt của anh T1, các thủ tục tố tụng về việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng cũng đã bảo đảm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự đã bảo đảm quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị T và anh T1, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Nguyễn Huyền T được ly hôn với anh Phạm Thành T1.

Về con chung: giao con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 03/6/2020 cho chị Nguyễn Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Phí tổn nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung, công nợ chung: chị T khai không có gì, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận chị T tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Phạm Thành T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng. Việc giải quyết, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng đã bảo đảm các quy định tại Điều 207, 208, Khoản 3 Điều 210; Điều 227, 228, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng là các Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... đã bảo đảm đúng các quy định tại Điều 173, 177, 178, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự về cấp, tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, hiệc hoãn phiên tòa lần thứ nhất cũng đã bảo đảm quy định tại Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm quyền được tham gia tố tụng của anh T1.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Huyền T và anh Phạm Thành T1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vì anh T1 suốt quá trình chung sống từ sau khi kết hôn cho đến hiện tại không quan tâm vợ con, sống hời hợt, thiếu trách nhiệm. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Hội đồng xét xử xét đến thực trạng cuộc sống chung vợ chồng chị T và anh T1 qua kết quả xác minh cho thấy: trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đây là lần thứ hai chị T nộp đơn xin ly hôn đối với anh T1. Chị T và anh T1 đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Anh T1 đã bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm gì đến vợ con. Từ nhận định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung sống không tồn tại, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: chị T và anh T1 có 01 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 03/6/2020. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con. Xét, chị T có nguyện vọng muốn được nuôi con, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Con chung dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, anh T1 không đến Tòa án, không nêu được quan điểm về việc nuôi con, anh T1 cũng không có mặt ở nhà, nên xét thấy cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo cuộc sống cho con là phù hợp. Về phí tổn nuôi con do chị T chưa yêu cầu nên chưa xem xét. Anh T1 có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Huyền T ly hôn với anh Phạm Thành T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Gia K, sinh ngày 03/6/2020 cho chị Nguyễn Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Anh Phạm Thành T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Thành T1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Huyền T tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0004759 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Huyền T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Thành T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường Dân Chủ, TPHB;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan